TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29-9-2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Hoài Hiêm
2. Ông Tạ Kỳ Trung

- **Thư ký phiên tòa**: Ông Trần Thế Sự - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên tòa**: Ông Trần Tấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số: 49/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: chị Nguyễn Thị Yến N, sinh năm: 1997; địa chỉ: 2 ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh, (*có đơn xin vắng mặt*);

- *Bị đơn*: anh Lê Khánh D, sinh năm: 1995; địa chỉ: khu phố G, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 15-5-2023 và trong quá trình làm việc nguyên đơn chị Nguyễn Thị Yến N trình bày:

- Về hôn nhân: chị và anh Lê Khánh D tự nguyện tổ chức lễ cưới vào năm 2016, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại xã G, huyện T (nay là phường G, thị xã T), tỉnh Tây Ninh. Ngày cưới bên chồng cho 01 đôi bông tai, 01 chiếc lắc, 01 sợi dây chuyền, tất cả là 09 chỉ vàng 24k và cặp nhẫn cưới vàng 18k, số vàng này vợ chồng bán chi phí hết. Cưới xong vợ chồng sống chung nhà cha mẹ chồng, đến năm 2019 vợ chồng về sống chung với cha mẹ chị tại C, Trà Vinh, đến tháng 8 năm 2022 vợ chồng về sống chung với cha mẹ chồng, đến ngày 22-4-2023 chị bỏ

về nhà cha mẹ ruột ở, vợ chồng sống ly thân đến nay. Thời gian chung sống đến đầu năm 2023 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do một mình chị đi làm công nhân không đủ chi phí nuôi con, anh D không đi làm, ở nhà không lo cho con cái mà còn cờ bạc cá độ bóng đá, anh kêu chị đưa tiền chị không có tiền đưa thì anh hâm dọa chửi mắn, anh ghen tuông vô cớ, nên cứ kiếm chuyện la lối chửi mắn chị, đến ngày 22-4-2023 chị đi làm xong đi sinh nhật bạn về tối thì anh la lối chửi mắn, đấm mấy cái vô mặt chị bị chảy máu miệng, xưng mặt, bị chấn thương phần mền, sáng ngày 23-4-2023 chị bỏ về quê đi nằm viện điều trị ngày 25-4-2023 xuất viện, từ đó vợ chồng sống ly thân luôn. Thời gian này anh D có gọi điện năn nỉ kêu chị về ở lại, chị không đồng ý thì anh hâm dọa gặp đâu đánh, giết chị ở đó, chứ anh cũng không đến nhà thăm mẹ con chị. Do cuộc sống không hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm nữa, cũng không thể tiếp tục sống chung được nữa, nên chị xin ly hôn với anh D.

- Về con chung: có 02 con là Lê Nguyễn Khánh B, sinh ngày 30-3-2017 và Lê Nguyễn Khánh Ý, sinh ngày 20-12-2019, hiện chị nuôi cháu Khánh Ý, còn cháu Kháng B1 sống với anh D. Chị yêu cầu mỗi người được tiếp tục nuôi con, không ai cấp dưỡng cho ai.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác. Ngày 26-7-2023 chị có đơn xin vắng mặt, do bận đi làm.

Bị đơn anh Lê Khánh D đã được Toà án triệu tập đến làm việc, dự phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải nhiều lần nhưng anh không đến, cũng không cung cấp lời khai.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Chị N có đơn xin vắng mặt có lý do; anh D đã được Toà án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án là chưa chấp hành theo quy định của pháp luật, nên đề nghị xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Yến N đối với anh Lê Khánh D; về con chung: giao cháu Lê Nguyễn Khánh Ý, sinh ngày 20-12-2019 cho chị N nuôi dưỡng. Giao cháu Lê Nguyễn Khánh B, sinh ngày 30-3-2017 cho anh D nuôi dưỡng, không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: chị N không yêu cầu, anh D không có ý kiến, nên không giải quyết; về nợ chung: không có nên không giải quyết. Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: anh Lê Khánh D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, mà vẫn vắng mặt không có lý do; chị N có đơn xin vắng mặt có lý do nên đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị N, anh D là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: chị N và anh D tự nguyện tổ chức lễ cưới vào năm 2016, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và không còn quan hệ tình cảm với nhau từ tháng 4 năm 2023.

[2.1] Xét thấy, do anh chị sống không phù hợp, bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau về tình cảm. Chi N1 cho rằng do anh D không lo làm ăn, ở nhà không lo cho con cái mà còn cờ bạc cá độ đá banh, anh kêu chị đưa tiền chị không có tiền đưa thì anh hâm dọa chửi mắn, anh ghen tuông vô cớ, nên cứ kiếm chuyện la lối chửi mắn chị, đến ngày 22-4-2023 chị đi làm xong đi sinh nhật bạn về tối thì anh la lối chửi mắn, đấm mấy cái vô mặt chị bị chảy máu miệng, xưng mặt, bị chấn thương phần mền, sáng ngày 23-4-2023 chị bỏ về quê đi nằm viện điều trị ngày 25-4-2023 xuất viện, vợ chồng sống ly thân luôn, anh D có gọi điện kêu chị về ở lại, chị không đồng ý thì anh hâm doạ, nên chị xin ly hôn với anh D. Anh Lê Khánh D đã được Toà án triệu tập đến làm việc, dự phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải nhiều lần nhưng anh không đến, cũng không cung cấp lời khai.

[2.2] Qua xác minh gia đình của anh D thể hiện: anh Lê Khánh D có hộ khẩu và đang sinh sống cùng gia đình tại khu phố G, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chị N1, anh D cưới nhau thì sống chung gia đình anh D, có thời gian về sống bên gia đình chị N1, từ năm 2022 vợ chồng trở về sống chung gia đình anh D, anh D phụ giúp gia đình, còn chị N1 đi làm công nhân, sống đến tháng 4 năm 2023 thì chị N1 đi làm xong đi sinh nhật bạn về tối, anh D gọi không được nên lúc về anh D hỏi và có đánh chị N1 mấy bạt tay được cha mẹ anh D can ngăn, sáng ngày sau chị N1 bỏ đi về bên cha mẹ ruột ở, vợ chồng sống ly thân luôn. Việc Toà án giao các văn bản tố tụng và gọi điện báo thì gia đình có nói lại cho anh D biết việc chị N1 ly hôn với anh D hiện Toà án Trảng Bàng đang thụ lý giải quyết và có động viên anh D đến Toà án giải quyết sự việc, nhưng anh D không đến và cũng không cung cấp lời khai. Cho thấy anh D không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, mà để cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt.

[2.3] Chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N1 đối với anh D là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: có 02 con là Lê Nguyễn Khánh B, sinh ngày 30-3-2017 và Lê Nguyễn Khánh Ý, sinh ngày 20-12-2019, hiện chị N1 nuôi cháu Khánh Ý, anh D nuôi cháu Kháng B1, nhưng do ông bà nội chăm sóc. Chị N1 yêu cầu mỗi người được tiếp tục nuôi con, không ai cấp dưỡng cho ai. Anh D không có ý kiến. Xét thấy, anh chị mỗi người nuôi 01 cháu đã ổn định, các cháu vẫn khoẻ mạnh phát triển bình thường, nghỉ nên giao cho anh chị mỗi người được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, do mỗi người nuôi một con, nên không

ai phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] *Về tài sản chung*: chị N1 khai không có không yêu cầu, anh D không có ý kiến, nên không giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: chị N1 khai không có không yêu cầu, anh D không có ý kiến, nên không giải quyết.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tại phiên toà là có căn cứ chấp nhận.

[7] *Về án phí sơ thẩm ly hôn*: chị N1 chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 273, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Yến N đối với anh Lê Khánh D. Chị N được ly hôn với anh D.

2. *Về con chung*: giao cháu Lê Nguyễn Khánh B, sinh ngày 30-3-2017 cho anh Lê Khánh D được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Lê Nguyễn Khánh Ý, sinh ngày 20-12-2019 cho chị Nguyễn Thị Yến N được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Chị N, anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung*: chị N khai không có không yêu cầu, anh D không có ý kiến, nên không giải quyết.

4. *Về nợ chung*: chị N khai không có không yêu cầu, anh D không có ý kiến, nên không giải quyết.

5. *Về án phí*: chị Nguyễn Thị Yến N chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0027317 ngày 19-6-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng. Chị N nộp đủ tiền án phí.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"*Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi*

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự"./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND P. Gia Huỳnh, TX Trảng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị An